

Số: 2787/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 388/TTr-SNNMT ngày 04/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Thay thế ý IV, mục B - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực Đất đai, đo đạc và bản đồ, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, tổng hợp, chăn nuôi, thú y, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Bãi bỏ số thứ tự 2 ý II, mục B - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thay thế số thứ tự 4, 5 ý I, mục C - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng;
- Các PCVP UBND TP;
- Các đơn vị: TTPVHCC, NN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM,
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (03 TTHC)
1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Sở NNMT	UBND TP			Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (03 TTHC)											
1	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (01 TTHC)										
01	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	16 ngày làm việc (*)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	
II. Lĩnh vực Kiểm lâm (01 TTHC)										
01	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	02 đơn vị thực hiện: - Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu - Chi cục Kiểm lâm cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
										ước CITES trừ trường hợp do Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp.
		Trường hợp hồ sơ hợp lệ không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu	03 ngày làm việc							
		Trường hợp cần kiểm tra thực tế	15 ngày làm việc							
		Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu	24 ngày làm việc							
		Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu	09 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
		tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế ; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu)								

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC)

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (03 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Sở NNMT	UBND TP			Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (03 TTHC)											
1	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	15 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Các Nghị định: số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.	

										- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	
2	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	
3	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	24 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (04 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực Kiểm lâm (03 TTHC)										
01	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
		Trường hợp không cần phải xác minh	02 ngày làm việc							
		Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản	03 ngày làm việc							
		Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp	04 ngày làm việc							
02	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	
03	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020; số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024. - Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	
		Trường hợp không kiểm tra, xác minh	05 ngày							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
			làm việc							
		Trường hợp phải kiểm tra, xác minh	15 ngày làm việc							
04	1.004819	Dăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES							- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	02 đơn vị thực hiện: - Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu - Chi cục Kiểm lâm cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES trừ trường hợp do Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
		Trường hợp hồ sơ hợp lệ không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu	03 ngày làm việc							
		Trường hợp cần kiểm tra thực tế	15 ngày làm việc							
		Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu	24 ngày làm việc							
		Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế ; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ	09 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
		lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu)								
II. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)										
01	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	10 ngày (*)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.	
		Trường hợp không cần phải xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	07 ngày làm việc							
		Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	10 ngày làm việc							

3. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (03 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực lâm nghiệp (03 TTHC)										
01	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.
02	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.
03	1.011471	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. - Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.
		Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	07 ngày làm việc							

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
		Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	10 ngày làm việc							

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (01 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực kiểm lâm (01 TTHC)		
1	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện (01 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực kiểm lâm (01 TTHC)		
1	3.000154	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam